



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ AN
NGHE AN UNIVERSITY



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
UNIVERSITY OF ECONOMICS - DA NANG UNIVERSITY



VIỆN NGHIÊN CỨU KINH DOANH -
ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
INSTITUTE OF BUSINESS RESEARCH -
UNIVERSITY OF ECONOMICS HO CHI MINH CITY



TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
HONG DUC UNIVERSITY



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
DA LAT UNIVERSITY



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
NHA TRANG UNIVERSITY

KỶ YẾU

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA NGUỒN LỰC TRONG NỀN KINH TẾ SỐ

PROCEEDINGS OF NATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE
ON RESOURCES IN THE DIGITAL ECONOMY



NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN / NGHE AN PUBLISHING HOUSE



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ AN
NGHE AN UNIVERSITY



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
UNIVERSITY OF ECONOMICS - DA NANG UNIVERSITY



TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
HONG DUC UNIVERSITY



Viện
Nghiên cứu kinh doanh

VIỆN NGHIÊN CỨU KINH DOANH -
ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
INSTITUTE OF BUSINESS RESEARCH -
UNIVERSITY OF ECONOMICS HO CHI MINH CITY



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
DA LAT UNIVERSITY



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
NHA TRANG UNIVERSITY

KỶ YẾU

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

NGUỒN LỰC TRONG NỀN KINH TẾ SỐ

PROCEEDINGS OF NATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE
ON RESOURCES IN THE DIGITAL ECONOMY



NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

KINH NGHIỆM VỀ LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG GIỮA CÁC ĐỊA PHƯƠNG VÀ BÀI HỌC CHO VÙNG BẮC TRUNG BỘ

Lương Thị Quỳnh Mai⁽¹⁾, Trần Thị Hồng Lam⁽²⁾

TÓM TẮT:

Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm liên kết phát triển du lịch cộng đồng giữa các địa phương ở một số khu vực, bao gồm vùng Bắc Thái Lan, vùng Tây Bắc và Tây Nguyên của Việt Nam. Nghiên cứu tập trung vào các mô hình liên kết hiệu quả như xây dựng tuyến du lịch theo chủ đề, chia sẻ nguồn lực, hợp tác phát triển hạ tầng và đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng. Những mô hình này đã đóng góp quan trọng vào sự phát triển bền vững du lịch, bảo tồn văn hoá và cải thiện kinh tế địa phương. Trên cơ sở đó, đề xuất các bài học và khuyến nghị thực tiễn cho vùng Bắc Trung Bộ, nhấn mạnh việc tăng cường liên kết vùng, nâng cấp hạ tầng, thúc đẩy du lịch bền vững và phát huy vai trò của cộng đồng trong việc khai thác hiệu quả các nguồn lực văn hoá và thiên nhiên.

Từ khoá: Liên kết, du lịch cộng đồng, Bắc Trung Bộ, phát triển, đại phương.

ABSTRACT:

This study examines the experiences of inter-regional collaboration in community-based tourism development in various regions, including Northern Thailand, the Central Highlands, and the Northwest of Vietnam. It highlights successful practices such as thematic tourism route development, resource sharing, infrastructure collaboration, and community capacity building. These models have significantly contributed to sustainable tourism growth, cultural preservation, and local economic improvement. Based on these insights, the paper proposes lessons and practical recommendations tailored to the North Central Coast region of Vietnam, focusing on strengthening regional linkages, enhancing infrastructure, promoting sustainable tourism practices, and empowering local communities to leverage their unique cultural and natural resources for tourism development.

Keywords: Collaboration, community based tourism, north central coast.

1. Giới thiệu

Du lịch cộng đồng đang trở thành một xu hướng quan trọng trong phát triển du lịch bền vững, mang lại lợi ích trực tiếp cho người dân địa phương, bảo tồn văn hoá truyền thống và khai thác hiệu

1. Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh. Email: mailtq@vinhuni.edu.vn

2. Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh.

quả các giá trị tài nguyên tự nhiên. Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập, việc liên kết phát triển du lịch cộng đồng giữa các địa phương không chỉ tạo điều kiện tối ưu hoá nguồn lực mà còn góp phần xây dựng thương hiệu du lịch vùng, thu hút du khách và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Vùng Bắc Trung Bộ của Việt Nam, với hệ thống tài nguyên thiên nhiên và văn hoá đa dạng, có tiềm năng lớn để phát triển du lịch cộng đồng. Tuy nhiên, thực trạng phát triển du lịch cộng đồng tại khu vực này vẫn còn manh mún, thiếu sự kết nối giữa các địa phương, dẫn đến việc chưa khai thác hết tiềm năng và lợi thế sẵn có. Trong khi đó, nhiều khu vực trên thế giới như Bắc Thái Lan, Tây Nguyên và Tây Bắc Việt Nam đã đạt được những thành công đáng kể nhờ áp dụng các mô hình liên kết phát triển du lịch cộng đồng hiệu quả.

Từ thực tiễn này, việc nghiên cứu và rút ra bài học kinh nghiệm từ các mô hình liên kết phát triển du lịch cộng đồng ở các khu vực khác, đồng thời đề xuất giải pháp phù hợp cho vùng Bắc Trung Bộ là một nhiệm vụ cấp thiết. Đây không chỉ là cơ sở để xây dựng chiến lược phát triển du lịch bền vững mà còn góp phần cải thiện đời sống kinh tế - xã hội của người dân địa phương, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá đặc sắc.

Nghiên cứu này sẽ tập trung phân tích kinh nghiệm liên kết phát triển du lịch cộng đồng giữa các địa phương ở vùng Bắc Thái Lan, vùng Tây Bắc và Tây Nguyên của Việt Nam, từ đó đề xuất các bài học hữu ích và khuyến nghị cụ thể cho vùng Bắc Trung Bộ, nhằm hướng tới sự phát triển du lịch cộng đồng bền vững và hiệu quả.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Thuật ngữ du lịch cộng đồng (DLCĐ) xuất phát từ hình thức du lịch làng bản từ những năm 1970 và có quá trình hình thành và phát triển trên phạm vi rộng ở nhiều nước du lịch như châu Âu, châu Mỹ, châu Úc, châu Phi,... DLCĐ phát triển mạnh ở các nước châu Á, trong đó có các nước khu vực ASEAN như: Philipin, Thái Lan, Indonesia và các khu vực khác như Ấn Độ, Nêpan, Đài Loan. Thuật ngữ DLCĐ được sử dụng rộng rãi ở các nước ASEAN vào năm 1995. Từ đó, lý thuyết DLCĐ dần được hình thành và phát triển.

Theo Asker và cộng sự (2010), du lịch cộng đồng được hiểu là một loại hình du lịch, ở đó cộng đồng trực tiếp sở hữu và tham gia quản lý, vì mục tiêu phát triển chung trong cộng đồng. Đây là loại hình du lịch thiên về các nhà cung cấp dịch vụ địa phương, tập trung truyền đạt về môi trường và văn hoá bản địa, nó được thực hiện và hỗ trợ bởi cộng đồng, chính quyền địa phương và các tổ chức phi Chính phủ (NGOs).

Tổ chức Du lịch Caribbean (trích dẫn trong Henry, 2009) cho rằng CBT là một cách tiếp cận hợp tác để làm du lịch, trong đó các thành viên trong cộng đồng thực hiện kiểm soát thông qua việc tham gia tích cực vào thẩm định, phát triển, quản lý và/hoặc làm chủ một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh. Các doanh nghiệp mang lại lợi ích kinh tế - xã hội cho các thành viên trong cộng đồng, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và văn hoá, tạo thêm giá trị cho các trải nghiệm của du khách trong và ngoài nước.

Ở Việt Nam, lần đầu tiên vấn đề phát triển DLCĐ được đặt ra tại Hội thảo chia sẻ bài học kinh nghiệm phát triển DLCĐ Việt Nam năm 2003. Luật Du lịch Việt Nam (2017) cũng chỉ rõ DLCĐ

“là loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở các giá trị văn hoá của cộng đồng, do cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức khai thác và hưởng lợi”. Theo Võ Quế (2006) thì DLCĐ “là phương thức phát triển du lịch trong đó cộng đồng dân cư tổ chức cung cấp các dịch vụ để phát triển du lịch, tham gia bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường, đồng thời cộng đồng được hưởng quyền lợi về vật chất và tinh thần từ phát triển du lịch và bảo tồn tự nhiên”.

Võ Quế (2006) từng đề cập rằng DLCĐ là phương thức phát triển du lịch trong đó cộng đồng dân cư tổ chức cung cấp các dịch vụ để phát triển du lịch đồng thời tham gia bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường, đồng thời cộng đồng được hưởng quyền lợi về vật chất, tinh thần từ phát triển du lịch và bảo tồn tự nhiên.

Nguyễn Bảo Thoa (2015) cho rằng DLCĐ là một loại hình du lịch do chính cộng đồng người dân phối hợp tổ chức, quản lý và làm chủ để đem lại lợi ích kinh tế và bảo vệ được môi trường chung thông qua việc giới thiệu với du khách các nét đặc trưng của địa phương (phong cảnh, văn hoá). Các loại hình du lịch như: du lịch sinh thái, nông nghiệp, nông thôn, văn hoá,... phù hợp với DLCĐ vì các loại hình du lịch này đều được quản lý bởi cộng đồng.

Đặng Trung Kiên (2020) đã tiếp cận quan điểm về phát triển DLCĐ như sau: Phát triển DLCĐ là quá trình biến đổi về lượng và chất các vấn đề kinh tế - xã hội theo hướng tiến bộ, dựa trên sáng kiến của người dân địa phương trong lĩnh vực du lịch, nâng cao nhận thức của người dân và khách du lịch trong bảo vệ môi trường tự nhiên cũng như đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của du khách, đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội ngày càng cao cho cộng đồng.

Việc đánh giá phát triển DLCĐ theo quan điểm này bao gồm: Tăng trưởng kinh tế cho cộng đồng; Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá - xã hội truyền thống cốt lõi của cộng đồng; Nâng cao nhận thức của người dân địa phương và khách du lịch trong bảo vệ môi trường; Đáp ứng nhu cầu của du khách.

Huỳnh Hải Đăng (2024) cho rằng DLCĐ theo nghĩa là phương thức tổ chức kinh doanh du lịch do cộng đồng dân cư thực hiện. Phát triển DLCĐ là sự gia tăng về quy mô, không ngừng nâng cao về chất lượng kinh doanh du lịch do cộng đồng dân cư thực hiện.

Nguyễn Hải Dương (2024) cho rằng DLCĐ là loại hình dịch vụ dựa trên khai thác các nguồn tài nguyên tại chỗ như con người, tài nguyên thiên nhiên, đặc điểm văn hoá địa phương để kinh doanh.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp thu thập và kế thừa các tài liệu thứ cấp, phương pháp thu thập dữ liệu. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn sử dụng nguồn dữ liệu thu thập trên các bài báo, tạp chí, trên các trang website và một số thông tin từ sách, giáo trình có liên quan.

3. Kinh nghiệm về liên kết phát triển du lịch cộng đồng giữa các địa phương

3.1. Kinh nghiệm của vùng Bắc Thái Lan

Vùng Bắc Thái Lan, đặc biệt là các tỉnh như Chiang Mai, Chiang Rai và Mae Hong Son, nổi tiếng với sự đa dạng văn hoá, phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp và sự phát triển mạnh mẽ của du lịch cộng đồng. Các địa phương trong khu vực này đã triển khai nhiều mô hình liên kết hiệu quả để phát triển du lịch cộng đồng. Dưới đây là một số kinh nghiệm của vùng:

Một là, xây dựng tuyến du lịch liên kết theo chủ đề. Các địa phương phối hợp xây dựng tuyến du lịch kết nối các làng cộng đồng dựa trên những chủ đề như văn hoá dân tộc, sinh thái, và trải nghiệm nông thôn. Ví dụ như tuyến Chiang Mai - Chiang Rai - Mae Hong Son kết nối các làng du lịch cộng đồng nổi tiếng như Ban Mae Kampong (Chiang Mai), Ban Tha Ton (Chiang Rai), Ban Rak Thai (Mae Hong Son). Du khách có thể trải nghiệm sinh hoạt cùng các dân tộc thiểu số, học làm thủ công mỹ nghệ, và tham gia vào các lễ hội truyền thống. Chủ đề “Văn hoá dân tộc Lanna” tập trung quảng bá văn hoá Lanna qua kiến trúc, ẩm thực, âm nhạc, và trang phục truyền thống.

Hai là, hợp tác trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá. Các địa phương cùng nhau tổ chức các sự kiện văn hoá chung, bảo tồn giá trị di sản phi vật thể và thúc đẩy du lịch dựa trên bản sắc văn hoá địa phương. Lễ hội Yi Peng (thả đèn trời) tổ chức đồng loạt tại nhiều địa phương trong khu vực, thu hút du khách quốc tế đến tham gia và tìm hiểu văn hoá. Chương trình trải nghiệm homestay phối hợp giữa các làng để đảm bảo tính thống nhất trong chất lượng dịch vụ và sự phong phú trong hoạt động.

Ba là, phát triển hạ tầng liên kết vùng. Vùng này đầu tư phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng để kết nối các điểm du lịch cộng đồng trong vùng như hệ thống đường bộ giữa Chiang Mai, Chiang Rai và Mae Hong Son được cải thiện để dễ dàng tiếp cận các làng du lịch cộng đồng; tăng cường các tuyến xe buýt du lịch và dịch vụ thuê xe để phục vụ du khách.

Bốn là, chia sẻ nguồn lực và hợp tác quảng bá. Các địa phương phối hợp chia sẻ nguồn lực như nhân lực, tài chính và kinh nghiệm để cùng quảng bá hình ảnh du lịch cộng đồng. Chương trình quảng bá du lịch vùng Bắc Thái Lan thì các tỉnh phối hợp tổ chức hội chợ du lịch, sự kiện văn hoá chung và sử dụng chung các nền tảng trực tuyến để quảng bá. Hợp tác với tổ chức quốc tế tham gia vào các dự án phát triển bền vững do UNESCO hoặc các tổ chức phi chính phủ tài trợ.

Năm là, đào tạo và nâng cao năng lực cộng đồng. Địa phương này đã tổ chức các chương trình đào tạo cho người dân địa phương về quản lý du lịch, kỹ năng giao tiếp và bảo tồn văn hoá như các khoá học ngắn hạn dành cho cộng đồng ở Ban Mae Kampong và Ban Tha Ton, giúp người dân cải thiện kỹ năng tiếp đón du khách và quản lý homestay; hợp tác với các trường đại học trong vùng để cung cấp chương trình đào tạo về du lịch bền vững.

Sáu là, phát triển du lịch bền vững và sinh thái. Vùng Bắc Thái Lan đã tích hợp các nguyên tắc bền vững vào phát triển du lịch, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và nâng cao nhận thức của cộng đồng. Ban Mae Kampong nổi tiếng với mô hình du lịch sinh thái, nơi du khách tham gia vào hoạt động bảo vệ rừng và học cách sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững. Công viên quốc gia Doi Inthanon liên kết với các làng cộng đồng để tổ chức tour sinh thái, kết hợp giữa khám phá thiên nhiên và tìm hiểu văn hoá.

3.2. Kinh nghiệm của vùng Tây Bắc

Vùng Tây Bắc có 6 tỉnh bao gồm Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu và Hà Giang, nổi tiếng với cảnh quan hùng vĩ, văn hoá đa dạng của các dân tộc thiểu số và tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng. Sự liên kết giữa các địa phương trong khu vực đã tạo ra các sản phẩm du lịch hấp dẫn, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội và bảo tồn giá trị văn hoá. Dưới đây là các kinh nghiệm liên kết phát triển du lịch cộng đồng bao gồm:

Một là, xây dựng tuyến du lịch liên kết theo chủ đề. Như tuyến du lịch văn hoá và lễ hội dân tộc, các tỉnh Tây Bắc phối hợp tổ chức tuyến du lịch trải nghiệm văn hoá các dân tộc Mông, Dao, Thái, Tày và Giáy. Các lễ hội tiêu biểu như Lễ hội Khèn Mông ở tỉnh Lào Cai, Lễ hội Xoè Thái ở tỉnh Yên Bái và Lễ hội Hoa Ban ở tỉnh Điện Biên được lồng ghép vào các tour du lịch cộng đồng như trải nghiệm nghề dệt vải, đan lát, chế biến món ăn truyền thống, và sinh hoạt đời thường của các dân tộc thiểu số. Việc liên kết này đã đưa văn hoá dân tộc vào sản phẩm du lịch, nâng cao nhận thức bảo tồn văn hoá truyền thống cũng như tạo nguồn thu nhập bền vững cho người dân qua các dịch vụ lưu trú homestay, hướng dẫn viên bản địa và sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Mặt khác, tuyến trekking và khám phá thiên nhiên như tuyến chinh phục đỉnh Fansipan ở tỉnh Lào Cai, khám phá ruộng bậc thang Mù Cang Chải ở tỉnh Yên Bái và đèo Pha Đin ở tỉnh Sơn La tạo thành chuỗi trải nghiệm độc đáo kết hợp thiên nhiên và sinh hoạt cộng đồng. Việc liên kết này tạo sản phẩm du lịch trải nghiệm cho các nhóm du khách yêu thiên nhiên, thích hoạt động ngoài trời và nâng cao nhận thức về bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và văn hoá bản địa. Như vậy, các tỉnh vùng Bắc Bộ đã phát triển tuyến du lịch theo thể mạnh của từng địa phương để tạo sự đa dạng, tránh trùng lặp cũng như kết nối các điểm đến qua hệ thống giao thông, dịch vụ vận chuyển và các tour liên tỉnh.

Hai là, chia sẻ nguồn lực và hợp tác quảng bá. Các tỉnh Tây Bắc hợp tác tổ chức sự kiện “Lễ hội Du lịch Tây Bắc” hằng năm để quảng bá các sản phẩm du lịch cộng đồng, văn hoá dân tộc và cảnh quan thiên nhiên. Liên kết các cơ sở lưu trú cộng đồng (homestay) giữa các tỉnh, như homestay ở bản Tả Van ở tỉnh Lào Cai, bản Hua Tát ở Sơn La và bản Nà Hầu ở Yên Bái. Như vậy, các tỉnh của vùng Tây Bắc đã cùng xây dựng thương hiệu chung cho vùng Tây Bắc, nhấn mạnh giá trị văn hoá, thiên nhiên, và tính bền vững của du lịch cộng đồng. Đồng thời, các tỉnh này cùng hợp tác trong các chiến dịch quảng bá chung trên nền tảng số, các hội chợ du lịch quốc tế và trong nước.

Ba là, đào tạo và nâng cao năng lực cộng đồng. Các tổ chức phi chính phủ và chính quyền địa phương đã tổ chức các khoá đào tạo cho người dân tại các bản làng ở Mù Cang Chải, Sapa và Mai Châu về kỹ năng đón tiếp khách, nấu ăn, quản lý homestay và hướng dẫn du lịch. Chương trình trao đổi kinh nghiệm giữa các làng du lịch cộng đồng, như giữa Tả Van ở tỉnh Lào Cai và Mai Châu ở tỉnh Hoà Bình để học hỏi cách bảo tồn văn hoá và phát triển dịch vụ. Vì vậy, các tỉnh Tây Bắc đã Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong việc xây dựng và quản lý các sản phẩm du lịch đồng thời hỗ trợ đào tạo kỹ năng và kiến thức để người dân có thể tự chủ trong hoạt động du lịch.

Bốn là, liên kết phát triển hạ tầng và dịch vụ du lịch. Các tỉnh Tây Bắc phối hợp nâng cấp các tuyến đường nối các điểm du lịch cộng đồng, như đường từ Sa Pa ở tỉnh Lào Cai đến Lai Châu, hay từ Mộc Châu ở tỉnh Sơn La đến Điện Biên. Trạm dừng chân tại Mộc Châu ở tỉnh Sơn La và Nghĩa Lộ ở tỉnh Yên Bái được xây dựng để phục vụ khách du lịch trên tuyến đường khám phá Tây Bắc. Các trạm này đã cung cấp thông tin về các điểm du lịch cộng đồng trong vùng cũng như tích hợp khu vực nghỉ ngơi, cửa hàng bán sản phẩm thủ công mỹ nghệ và ẩm thực địa phương nhằm hỗ trợ khách du lịch có trải nghiệm tiện nghi hơn khi tham gia các tour khám phá Tây Bắc và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm thủ công và nông sản của người dân địa phương. Ngoài ra, các tỉnh này còn cho phát triển các dịch vụ vận tải, tour ghép, và thông tin du lịch để du khách dễ dàng di chuyển giữa các tỉnh. Như vậy, vùng Tây Bắc đã phân nào đầu tư đồng bộ vào hạ tầng giao thông, lưu trú, và thông tin để kết nối hiệu quả các điểm đến. Đồng thời khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân và hợp tác xã trong việc cung cấp dịch vụ du lịch.

Năm là, bảo tồn văn hoá và bảo vệ môi trường. Các tỉnh phối hợp xây dựng quy chế bảo tồn văn hoá, như việc gìn giữ kiến trúc nhà sàn, trang phục truyền thống, và các phong tục tập quán đặc trưng. Ví dụ như lễ hội Xòe Thái tại Yên Bái và Sơn La, các địa phương phối hợp tổ chức lễ hội Xòe Thái với sự tham gia của nhiều bản làng. Du khách có cơ hội tham gia vào các hoạt động truyền thống như nhảy xòe, học cách chế biến món ăn Thái và tìm hiểu các nghi thức văn hoá. Hoạt động này thu hút khách du lịch trải nghiệm các nét văn hoá đặc sắc và đảm bảo sự phối hợp đồng bộ giữa các bản làng, từ khâu tổ chức đến cung cấp dịch vụ. Ngoài ra, các tỉnh thực hiện các chiến dịch bảo vệ môi trường, như giảm rác thải nhựa tại các điểm du lịch cộng đồng ở Sa Pa, Mù Cang Chải. Như vậy vùng Tây Bắc đã đặt tiêu chí bảo tồn văn hoá và bảo vệ môi trường làm ưu tiên hàng đầu trong phát triển du lịch cộng đồng cũng như tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức cho cả cộng đồng và du khách về du lịch bền vững.

3.3. Kinh nghiệm của vùng Tây Nguyên

Tây Nguyên là khu vực nằm ở phía Tây của miền Trung Việt Nam, có 5 tỉnh bao gồm Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng với 47 dân tộc cùng sinh sống, có bản sắc văn hoá độc đáo và cảnh quan thiên nhiên phong phú, đã xây dựng được nhiều mô hình liên kết phát triển du lịch cộng đồng giữa các địa phương. Những kinh nghiệm dưới đây có thể được xem là điển hình:

Một là, liên kết phát triển tuyến du lịch cộng đồng theo chủ đề. Tuyến du lịch “Con đường di sản văn hoá Tây Nguyên” từ Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Nông đến Lâm Đồng để khám phá các lễ hội truyền thống như Lễ hội cồng chiêng ở tỉnh Đắk Lắk, Lễ hội đâm trâu ở tỉnh Gia Lai; tham quan các buôn làng dân tộc thiểu số như buôn Đôn ở tỉnh Đắk Lắk, làng Kon Klor ở tỉnh Kon Tum và làng K’Ho ở tỉnh Lâm Đồng; kết hợp trải nghiệm thiên nhiên như trekking rừng thông, thác nước và hồ tự nhiên. Hoạt động này đã tăng cường sự phối hợp giữa các địa phương để xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng, đồng bộ và đảm bảo khách du lịch có trải nghiệm phong phú và liên tục.

Hai là, chia sẻ nguồn lực hạ tầng và dịch vụ. Liên kết giữa Đắk Lắk và Đắk Nông để xây dựng hệ thống đường giao thông kết nối từ Buôn Ma Thuột đến các điểm du lịch cộng đồng ở Đắk Nông như Hồ Tà Đùng và các làng nghề truyền thống; phát triển dịch vụ homestay đạt chuẩn ở các buôn làng, kết hợp quảng bá sản phẩm du lịch chung. Liên kết này cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông, giúp du khách dễ dàng tiếp cận các điểm du lịch cộng đồng; tăng khả năng thu hút du khách và nâng cao hiệu quả khai thác dịch vụ du lịch.

Ba là, hợp tác quảng bá du lịch cộng đồng. Chương trình quảng bá “Đến với Tây Nguyên đại ngàn” do Sở Du lịch các tỉnh Tây Nguyên phối hợp với các công ty lữ hành và truyền thông tổ chức. Hoạt động này sử dụng hình ảnh, video quảng bá về du lịch cộng đồng tại các buôn làng; tổ chức hội chợ du lịch Tây Nguyên với sự tham gia của nhiều tỉnh, trưng bày các sản phẩm thủ công, nông sản đặc trưng của từng địa phương. Chương trình đã nâng cao nhận diện thương hiệu du lịch Tây Nguyên trên thị trường trong nước và quốc tế và thu hút sự quan tâm của du khách đến các sản phẩm du lịch cộng đồng.

Bốn là, bảo tồn và phát huy văn hoá bản địa. Lễ hội cồng chiêng liên tỉnh bao gồm Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum đã phối hợp tổ chức các lễ hội cồng chiêng lớn, thu hút sự tham gia của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số và du khách. Đồng thời lễ hội kết hợp trình diễn nghệ thuật với giới thiệu các hoạt động du lịch cộng đồng như trải nghiệm dệt thổ cẩm, nấu ăn truyền thống, và sinh hoạt văn

hoá bản địa. Hoạt động này góp phần bảo tồn Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên là di sản văn hoá phi vật thể được UNESCO công nhận cũng như thu hút du khách đến tìm hiểu và trải nghiệm văn hoá Tây Nguyên.

Năm là, đào tạo và nâng cao năng lực cộng đồng. Dự án phát triển sinh kế bền vững qua du lịch cộng đồng do Chính phủ Việt Nam phối hợp với các tổ chức quốc tế tổ chức các khoá đào tạo về kỹ năng làm du lịch, quản lý homestay, và giao tiếp cơ bản và nâng cao nhận thức của người dân về bảo tồn văn hoá và môi trường trong hoạt động du lịch ở Buôn Jun, buôn M’Liêng (Đắk Lắk), làng Kon Klor (Kon Tum). Người dân tự tin tham gia vào các hoạt động du lịch, tạo nguồn thu nhập ổn định. Nhiều mô hình du lịch cộng đồng được hình thành và phát triển bền vững.

Sáu là, phát triển sản phẩm du lịch liên kết. Sản phẩm “Con đường cà phê Tây Nguyên” do Đắk Lắk, Đắk Nông, và Lâm Đồng kết hợp tham quan các nông trại cà phê với trải nghiệm văn hoá tại các buôn làng; tổ chức các hoạt động như hái cà phê, tham quan nhà máy chế biến, và thưởng thức cà phê tại các làng du lịch cộng đồng. Hoạt động này tạo điểm nhấn đặc trưng cho du lịch cộng đồng Tây Nguyên; kết hợp phát triển kinh tế nông nghiệp và du lịch, nâng cao thu nhập cho người dân.

Bảy là, hợp tác trong quản lý và điều phối du lịch. Việc thành lập hiệp hội du lịch cộng đồng Tây Nguyên giúp điều phối các hoạt động liên tỉnh, từ quản lý chất lượng dịch vụ đến xây dựng sản phẩm du lịch cũng như chia sẻ kinh nghiệm giữa các địa phương về cách khai thác tài nguyên du lịch và quản lý cộng đồng. Việc này tăng cường hiệu quả phối hợp giữa các tỉnh trong phát triển du lịch cộng đồng giúp xây dựng hình ảnh du lịch Tây Nguyên thống nhất và chuyên nghiệp hơn.

4. Thực trạng về liên kết phát triển du lịch cộng đồng ở Bắc Trung Bộ

Bắc Trung Bộ là khu vực có lợi thế lớn trong phát triển du lịch cộng đồng nhờ sự đa dạng về địa hình, tài nguyên thiên nhiên và văn hoá. Khu vực này sở hữu nhiều di sản văn hoá và thiên nhiên quan trọng như: di sản thiên nhiên thế giới: Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình); di sản văn hoá thế giới: Thành Nhà Hồ (Thanh Hoá), Quần thể di tích Cố đô Huế; bản sắc văn hoá đa dạng: Các dân tộc Thái, Mường, Bru-Vân Kiều, Chứt, với nhiều lễ hội truyền thống, nghề thủ công và nghệ thuật dân gian. Ngoài ra, khu vực còn có nhiều làng cộng đồng tiềm năng như làng Cẩm Thủy (Thanh Hoá), làng du lịch cộng đồng Pả Ban (Nghệ An), làng Khe Sanh (Quảng Trị),... có thể phát triển mô hình homestay và du lịch trải nghiệm.

Mặc dù có tiềm năng lớn, nhưng việc liên kết phát triển du lịch cộng đồng ở Bắc Trung Bộ vẫn còn nhiều hạn chế, thể hiện qua các khía cạnh sau:

Một là, sự liên kết giữa các địa phương còn hạn chế. Các tỉnh trong khu vực phát triển du lịch cộng đồng theo hướng riêng lẻ, thiếu sự kết nối trong xây dựng sản phẩm du lịch chung. Chưa có nhiều tuyến du lịch liên kết giữa các tỉnh để khai thác hiệu quả tài nguyên chung như tuyến du lịch kết nối Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế vẫn chưa khai thác hết tiềm năng. Chưa có cơ chế phối hợp rõ ràng giữa chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng trong phát triển du lịch liên vùng.

Hai là, hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ còn yếu. Cơ sở hạ tầng tại nhiều điểm du lịch cộng đồng còn sơ khai, giao thông kết nối các làng du lịch với trung tâm thành phố chưa thuận tiện. Dịch vụ hỗ trợ du khách như thông tin du lịch, hướng dẫn viên địa phương, hệ thống lưu trú còn hạn chế, chưa đáp ứng

được nhu cầu của khách du lịch quốc tế. Các làng du lịch cộng đồng chưa được đầu tư đúng mức về cơ sở vật chất như điện, nước sạch, vệ sinh môi trường.

Ba là, chất lượng sản phẩm du lịch cộng đồng chưa đồng đều. Các sản phẩm du lịch cộng đồng còn mang tính tự phát, chưa có sự đổi mới, sáng tạo để thu hút du khách. Chưa khai thác hiệu quả các giá trị văn hoá đặc sắc của địa phương vào sản phẩm du lịch, nhiều nơi còn sao chép mô hình mà không có sự khác biệt. Một số địa phương còn chưa chú trọng bảo tồn bản sắc văn hoá, dẫn đến việc thương mại hoá du lịch, làm mất đi sự hấp dẫn đối với khách du lịch tìm kiếm trải nghiệm chân thực.

Bốn là, thiếu nguồn nhân lực và đào tạo bài bản. Người dân địa phương chưa được đào tạo đầy đủ về kỹ năng làm du lịch như giao tiếp, phục vụ khách quốc tế, quản lý homestay, và hướng dẫn du lịch. Chưa có nhiều chương trình hợp tác đào tạo giữa các trường đại học, doanh nghiệp du lịch và cộng đồng địa phương để nâng cao trình độ.

4. Bài học rút ra cho vùng Bắc Trung Bộ

Vùng Bắc Trung Bộ của Việt Nam có nhiều tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng nhờ cảnh quan thiên nhiên phong phú, di sản văn hoá đặc sắc, và sự đa dạng của các dân tộc. Từ kinh nghiệm liên kết phát triển du lịch cộng đồng của các địa phương trong và ngoài nước, một số bài học quan trọng có thể áp dụng trong việc liên kết phát triển DLCĐ giữa các địa phương ở vùng Bắc Bộ như sau:

Một là, xây dựng tuyến du lịch liên kết theo chủ đề. Từ kinh nghiệm của vùng Bắc Thái Lan và Tây Bắc của Việt Nam đã thành công trong việc xây dựng các tuyến du lịch theo chủ đề (văn hoá dân tộc, sinh thái, lịch sử) để kết nối các điểm du lịch cộng đồng, vùng Bắc Trung Bộ có thể xây dựng các tuyến du lịch kết nối các điểm đến như văn hoá và di sản: Liên kết các làng cộng đồng với di sản văn hoá thế giới như Quần thể di tích Cố đô Huế, Thành Nhà Hồ (Thanh Hoá). Du lịch sinh thái: Kết nối Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình) với các làng cộng đồng ở Hà Tĩnh, Quảng Trị. Du lịch biển và làng chài: Phát triển tuyến du lịch kết nối các làng ven biển như Cửa Lò (Nghệ An), Nhật Lệ (Quảng Bình).

Hai là, chia sẻ nguồn lực và hợp tác quảng bá. Các tỉnh Bắc Trung Bộ cần phối hợp xây dựng thương hiệu du lịch chung cho cả vùng, tổ chức các sự kiện lớn như lễ hội văn hoá cộng đồng Bắc Trung Bộ: Tập trung quảng bá văn hoá dân gian, âm nhạc, và ẩm thực đặc trưng của khu vực. Phát triển nền tảng trực tuyến để giới thiệu các điểm du lịch cộng đồng trong toàn vùng, đồng thời hợp tác với các tổ chức quốc tế như UNESCO.

Ba là, đào tạo và nâng cao năng lực cộng đồng. Các tỉnh Bắc Trung Bộ cần tổ chức khoá đào tạo kỹ năng dành cho người dân về cách vận hành homestay, kỹ năng đón tiếp du khách, và quản lý tài nguyên bền vững. Ngoài ra có thể hợp tác với các trường đại học và tổ chức: Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực trong ngành du lịch cộng đồng.

Bốn là, phát triển hạ tầng và dịch vụ liên kết vùng. Vùng Bắc Trung Bộ cần tập trung nâng cấp đường giao thông nối các làng cộng đồng với các điểm du lịch lớn; phát triển dịch vụ vận tải du lịch, các tuyến xe bus chuyên dụng, và dịch vụ thuê xe thân thiện với môi trường.

Năm là, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá, thiên nhiên. Vùng Bắc Trung Bộ cần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Thái, Mường, Bru - Vân Kiều; các lễ hội dân gian

như lễ hội Cầu Ngư (Quảng Bình), lễ hội Lam Kinh (Thanh Hoá); phát triển du lịch dựa trên cảnh quan thiên nhiên như sông Lam, núi Hồng Lĩnh, và bãi biển Nhật Lệ.

Sáu là, phát triển du lịch bền vững. Vùng Bắc Trung Bộ có thể phát triển du lịch cộng đồng bền vững bằng cách áp dụng các mô hình du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; hỗ trợ người dân sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hiệu quả và bảo vệ môi trường.

5. Kết luận

Kinh nghiệm từ vùng Bắc Thái Lan, vùng Tây Bắc và Tây Nguyên cho thấy rằng liên kết vùng, sự phối hợp giữa các địa phương và phát triển bền vững là chìa khoá để thúc đẩy du lịch cộng đồng. Vùng Bắc Trung Bộ, với những tiềm năng sẵn có nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, có thể áp dụng các bài học này để xây dựng một ngành du lịch cộng đồng phát triển mạnh mẽ, góp phần nâng cao đời sống kinh tế và bảo tồn văn hoá truyền thống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Asker, S. A., Boronyak, L. J., Carrard, N. R., & Paddon, M. (2010), *Effective community based tourism: A best practice manual*.
2. Henry, G. (2009), *Good Practices in Community-Based Tourism in the Caribbean*. Retrieved May, 4, 2013
3. Huỳnh Hải Đăng (2024), *Liên kết kinh tế trong phát triển du lịch cộng đồng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Bảo Thoa (2015), *Những điều cần biết về phát triển du lịch cộng đồng*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
5. Nguyễn Hải Dương (2024), *Phát triển du lịch cộng đồng theo hướng kinh tế tuần hoàn tại tỉnh Hà Giang*, Luận án Tiến sĩ Quản lý kinh tế, Đại học Thái Nguyên.
6. Võ Quế (2006), *Du lịch cộng đồng - Lý thuyết và vận dụng*, Nxb Nghệ An, Nghệ An.
7. Đặng Trung Kiên (2020), *Nghiên cứu một số nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch cộng đồng tiểu vùng Tây Bắc*, Luận án Tiến sĩ Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

MỤC LỤC

- Lời nói đầu	7
---------------------	---

PHẦN I

GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

- Phát triển e-learning tại Việt Nam: Vai trò của chính sách và công nghệ - Nguyễn Phúc Quân	11
- Nâng cao chất lượng sản phẩm đào tạo trong quá trình chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam - Trần Nguyên Hào	24
- Rào cản trong đảm bảo chất lượng giáo dục đại học: Quan sát từ quốc tế - Tôn Nguyễn Trọng Hiền ..	36
- Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị trong chuyển đổi số tại các trường đại học ở Việt Nam hiện nay, Nguyễn Thị Hiền Oanh	45
- Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế số ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay - Nguyễn Thị Thu Phương	54
- Ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo (AI) đối với việc rèn luyện kỹ năng viết của sinh viên ngành Ngữ văn - Lê Thị Thuỳ Vinh	66
- Ứng dụng AI trong học tập và rèn luyện kỹ năng tiếng Anh của sinh viên du lịch Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng - Phan Kim Ngân	76
- Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu, sáng chế tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số - so sánh kinh nghiệm cùng Đại học Thanh Hoa, Trung Quốc - Trần Lê Đăng Phương, Nguyễn Thành Phương, Trần Thị Thu Vân	86
- Thách thức khi đánh giá bài luận của sinh viên trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo - Lê Thái Phụng	99
- Vai trò của giáo dục đại học đối với thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp của sinh viên trong bối cảnh nền kinh tế số - Trần Đình Lộc	108
- Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam - Trịnh Thị Thu Hằng	116

- Đổi mới giáo dục đại học để kiến tạo nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu kỷ nguyên phát triển mới của Việt Nam - Nguyễn Diệu Hằng	126
- Chuyển đổi số và cách thức vận dụng tài liệu số hoá tại Trung tâm học liệu - Đại học Sài Gòn - Nguyễn Thị Quỳnh Trang	137
- Ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp phát triển bền vững ở Việt Nam - Trần Thị Bích Thủy ...	145
- Tác động của năng lực số đến khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên mới tốt nghiệp ngành Du lịch - Lê Thái Phụng, Trương Thị Thuý Nhi	156
- Exploring students' perspectives on utilization of artificial intelligence (AI) writing tools through sequential explanatory mixed method study - Vlademir T. Turingan	171
- Comparative analysis of business english proficiency among students in philippines and Vietnam: input to a joint english-integrated student exchange program design - Dr. Kim Edward S. Santos, Merlina C. Garcia, Dr. Ngo Van Chung, Nguy Van Thuy	199
- Thực hiện cơ chế đặt hàng đào tạo và nghiên cứu khoa học đối với các trường đại học của Việt Nam hiện nay - Trần Thị Phương Nga	213
- Khung năng lực số dành cho các nhà giáo dục trên thế giới và hướng tiếp cận tại Việt Nam - Trần Thị Kim Anh, Vũ Lâm Bình, Đoàn Thị Thu Thảo	224
- Chiến lược phát triển năng lực số trong giáo dục Việt Nam: Bài học quốc tế và định hướng thực tiễn - Nguyễn Thị Khánh Hà	235
- Các nhân tố ảnh hưởng tới chuyển đổi số trong hoạt động học tập của sinh viên Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội - Phạm Văn Hiếu	249
- Chuyển đổi số trong quản lý sinh viên tại Trường Đại học Tân Trào định hướng và tiềm năng - Đoàn Thị Cúc, Đỗ Công Ba	260
- Phân tích ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo đến kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên: Vai trò trung gian của chất lượng dữ liệu - Cao Nguyễn Quốc Nhã	271
- Năng lực đổi mới sáng tạo và động lực nghiên cứu khoa học của sinh viên Việt Nam trong bối cảnh kinh tế số - Trần Thị Kim Nhung, Thái Dương Ngọc Linh, Trần Quỳnh Anh, Nguyễn Duy Hiên, Trần Ngọc Huyền, Đào Thị Hải Yến	284
- Các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động giảng dạy của giảng viên trong thời đại chuyển đổi số tại Đồng Nai - Nguyễn Thị Thu Hoài	296
- Tích hợp chuyển đổi số trong giáo dục đại học Việt Nam: Thách thức và cơ hội - Tổng Hưng Tâm, Nguyễn Hưng Bình	309

- Đại học 4.0 trong nền kinh tế số - Nguyễn Hồ Phương Nhật, Hoàng Thị Quỳnh Trang	319
- Tác động của AI đến đánh giá kết quả học tập: Góc nhìn từ nhận thức của sinh viên về công bằng và minh bạch - Đoàn Thị Bích Thu	332
- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo đổi mới giáo dục đại học Việt Nam trong kỷ nguyên đào tạo nguồn nhân lực số - Lê Tiến Hiếu, Nguyễn Thị Hoài Ly	345
- Giáo dục đại học và sứ mệnh giảm thiểu bất bình đẳng năng lực số trong sinh viên ở Việt Nam hiện nay - Lê Thị Vinh, Phan Thành Nhân	356
- Giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển đổi số ở cơ sở giáo dục đại học - Tạ Thị Thanh Hà, Đàm Thị Ngọc Ngà	368
- Vai trò và những năng lực cần thiết của giảng viên trong chuyển đổi số - Lê Thị Hương Quê	376
- Ứng dụng chuyển đổi số trong dạy học học phần tâm lý học cho sinh viên ngành Sư phạm - Nguyễn Thị Kim Chung	384
- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chuyển đổi số tại Trường Cao đẳng Đà Lạt - Trần Thị Thanh Huyền, Nguyễn Đình Hải	394
- Thách thức mới trong đào tạo nguồn nhân lực số hiện nay - Vũ Trà Giang	404
- Quy trình áp dụng phương pháp dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ - Huỳnh Quý, Nguyễn Thanh Tuấn, Lê Vĩnh Hoàng Linh	415
- Thực trạng về định hướng nghề nghiệp của sinh viên khối ngành Kinh tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An - Đậu Thị Tâm, Cao Hồng Quân, Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Ngọc Khánh, Nguyễn Thị Ngọc Linh	424
- Nâng cao chất lượng học tập các môn Lý luận chính trị của sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số - Nguyễn Thị Lý	432
- Khai thác khoa học mở trong phát triển năng lực nghiên cứu giáo dục của sinh viên - Lê Thị Tuyết Trinh, Nguyễn Phương Thảo, Lê Minh Cường, Đỗ Thị Trinh, Đoàn Thị Phương Thực	442
- Xây dựng chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam - Nguyễn Việt Trung	453
- Kinh nghiệm chuyển đổi số trong giáo dục đại học từ các nước trên thế giới - bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam - Lâm Nguyễn Hoài Diễm	462
- Nâng cao hiệu quả đào tạo hướng dẫn viên du lịch quốc tế thông qua hoạt động ngoại khóa trong thời kỳ kinh tế số - Nguyễn Ngọc Thuỳ Trang	476

- Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực số tại tỉnh Thái Nguyên hiện nay - Lê Thị Kim Hưng, Chu Thùy Linh	499
- Các nhân tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên khối Ngành Kinh tế trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 - Trịnh Hoài Sơn, Nguyễn Khánh Linh, Vũ Hà Mỹ Duyên, Lê Phương Anh, Vũ Thị Xuân Hương, Hoàng Quỳnh Anh	508
- Thái độ cá nhân và kinh doanh bền vững: vai trò của ai trong giáo dục - Phạm Thị Mộng Hằng	522
- Đổi mới giáo dục đại học: Đào tạo nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu nền kinh tế số - Phạm Phương Thảo, Đỗ Thị Hồng Nhung	536
- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy âm nhạc tại Trường Đại học Khánh Hoà - cơ hội và thách thức - Trần Duy Toàn	546
- Kinh nghiệm ứng dụng công nghệ tuyển sinh tại các trường đại học của mỹ và hàm ý cho Việt Nam - Trần Thị Hoàng Yến, Đào Công Tuấn	555
- Ứng dụng công nghệ số trong đào tạo hướng dẫn viên du lịch tại khánh hoà đáp ứng yêu cầu mới trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế - Nguyễn Duy Trường, Trương Đình Dũng	562
- Chuyển đổi số trong giáo dục - đào tạo ở các nhà trường quân đội - Hoàng Ngọc Hưởng	573
- Vận dụng triết lý giáo dục của hồ chí minh vào đổi mới giáo dục đại học nhằm đào tạo nguồn nhân lực số ở nước ta hiện nay - Nguyễn Thị Thanh Xuân , Nguyễn Thị Tùng	582
- Application of information technology to innovate university teaching methods through the blended learning model in Vietnamese higher education - Truong Thi Thuy Vi	594
- Giải mã điểm đau trong trải nghiệm học Cử nhân Tiếng Anh trực tuyến và gợi ý khắc phục - Nguyễn Châu Bích Tuyền, Lưu Thị Thanh Mai, Nguyễn Duyên Linh	609
- Phát triển năng lực số của các cơ sở giáo dục: Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam - Lê Ngọc Phương Trâm	623
- Định hướng phát triển năng lực số cho giảng viên và sinh viên Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang: Bài học từ kinh nghiệm quốc tế và trong nước - Phạm Bảo Dương	635

PHẦN II

NGUỒN NHÂN LỰC

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ trong lĩnh vực du lịch tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long - thực trạng và và kiến nghị hoàn thiện - Nguyễn Thành Phương, Trần Lê Đăng Phương, Dương Quốc Thịnh	642
---	-----

- Cơ hội và thách thức cho lực lượng lao động Việt Nam trong nền kinh tế tự do (Kinh tế Gig) - Đặng Thanh Thủy	657
- Giải pháp phát triển nguồn nhân lực môi giới bất động sản trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 - Trần Thái Yên, Nguyễn Đắc Hậu, Phan Thị Thanh Bình	667
- Đổi mới các mô hình đào tạo nguồn nhân lực kho ngoại quan tại Việt Nam theo định hướng nghề nghiệp quốc tế trong bối cảnh nền kinh tế số - Huỳnh Đăng Khoa	678
- Phát huy mối liên hệ giữa các nguồn lực trong phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam - Trần Thị Kim Thư	692
- Nguồn nhân lực số trong phát triển nền kinh tế số tại Việt Nam - Trần Minh Đạt	701
- Cơ hội và thách thức đối với lao động kế toán trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 - Phạm Thu Huyền, Đào Thị Nhung	708
- Vai trò của thương hiệu nhà tuyển dụng đối với hoạt động thu hút nhân tài trong nền kinh tế số: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho doanh nghiệp Việt Nam - Bùi Quang Tuyền, Đỗ Vũ Phương Anh, Nguyễn Phương Mai	720
- Chuyển đổi số của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội - Phạm Văn Nghĩa, Hoàng Văn Thắng	730
- Ứng dụng công nghệ số trong hoạt động kinh doanh tại cửa hàng tạp hoá - Hoàng Thị Thu Hằng	742
- Thực trạng sản xuất kinh doanh sản phẩm khoai lang của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh - Vũ Quỳnh Nam, Nguyễn Quang Hợp	751
- Các mô hình chuyển đổi kinh doanh bền vững trong nền kinh tế số - Hồ Thị Hà	758
- The effect of rebranding on consumer behavior: A customer-centric analysis of Vinamilk - Huong Linh Le, Tran Thanh Mai Huong	769
- Ứng dụng logistics ngược trong ngành bia: Phân tích tình huống Heineken Việt Nam trong bối cảnh kinh tế tuần hoàn của doanh nghiệp - Trần Thị Minh Duyên	778
- Phát triển logistics ngược bền vững nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng trực tuyến tại Việt Nam - Võ Nguyễn Bảo Trân, Nguyễn Hoàng Kim, Trần Thị Thuỳ Lợi, Dương Nguyễn Phương Thảo, Ngô Thanh Vân, Nguyễn Thị Thúy Hạnh	791
- Niềm tin thương hiệu đối với sản phẩm thời trang xanh của khách hàng thế hệ Z trong bối cảnh kinh tế số - Đỗ Anh Đức, Nguyễn Ngọc Phúc An, Nguyễn Huệ Minh	799
- Tác động của chuyển đổi số đối với mô hình kinh doanh của doanh nghiệp tại Đồng Nai - Trần Thị Minh Ngọc	808

- Tác động của đổi mới xanh đối với hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam - Trần Trọng Đức, Bùi Thu Vân	818
- The influence of big five personality traits on impulsive buying behaviour in e-commerce among generation z in Vietnam: Examining the moderating role of materialism - Nguyen Quynh Hoa, Tran Thuy Trang, Bui Thi Khanh Ly, Nguyen Ngoc Linh⁽⁴⁾, Bui Thi Nhu Quynh	837
- Enhancing online communication skills for students in the digital age: Research at Binh Duong university - Ca Mau campus - Cao Viet Hieu, Tran Thanh Thuy	852

PHẦN III

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

- A survey on the impact of artificial intelligence tools on the software industry workforce - Le Nhat Tung, Tran Thi Dung, Nguyen Thi Lieu	864
- Enhancing support for senior citizens: Development and evaluation of the osca information management system with agile methodology and iso/iec 25010 compliance - Johannah Mae C. Vasquez, MSIT, Alexander S. Cochanco, MSIT, Ruth G. Luciano, PhD	874
- Đổi mới hoạt động quản lý nghiên cứu khoa học trong bối cảnh chuyển đổi số: Tiếp cận từ góc độ chính sách - Phạm Thị Bích Ngọc, Hứa Minh Nhựt	893
- Sự kết hợp giữa trí tuệ nhân tạo và con người trong quá trình ra quyết định - Phạm Đức Dân	902
- Dữ liệu lớn - nguồn lực quan trọng thúc đẩy chuyển đổi số tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp - Trịnh Huy Hồng	912
- Ứng dụng Big Data trong kiểm soát ô nhiễm không khí tại Việt Nam - Lê Nguyễn Linh Giang	925
- Luật dữ liệu của một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam nhằm phát triển thị trường dữ liệu và một số đề xuất - Phạm Thị Hồng My	933
- Tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua thực phẩm hữu cơ trong nền kinh tế số - Đỗ Anh Đức, Nguyễn Thị Thanh Hoài, Nguyễn Như Quỳnh	943
- Nghiên cứu tác động của công nghệ thử đồ ảo (Virtual Try - On) đến ý định mua của người tiêu dùng: Áp dụng đối với mỹ phẩm trang điểm - Lê Thị Kim Tuyết, Ngô Thị Kim Lý	951
- Ứng dụng công nghệ số trong phát triển doanh nghiệp Việt Nam - Đinh Văn Tới, Hoàng Thị Thuý Hằng, Đinh Nguyễn Minh Đức	966
- Năng lực trí tuệ nhân tạo trong nền kinh tế số: Phương pháp tổng quan tài liệu có hệ thống - Đỗ Anh Đức, Nguyễn Kiều Trang, Lê Khánh An	977

- Tác động của năng lực công nghệ trong phân tích Big Data đến hiệu quả hoạt động bền vững của doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam: Vai trò trung gian của năng lực đổi mới - **Đặng Thị Hải Châu, Lê Thị Phương Linh, Nguyễn Hoàng Tiến Thoan, Vũ Thanh Bình** 993
- Tổng quan công nghệ Fintech và hệ thống pháp lý hiện hành tại Việt Nam - **Phan Vũ Dung Vân, Phan Minh Đức, Lê Vũ Phương Thảo** 1002
- Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán - Thách thức và cơ hội - **Nguyễn Thị Thảo Nguyên** ... 1015

PHẦN IV

KHỞI NGHIỆP

- Kinh nghiệm về đổi mới khởi nghiệp trong nền kinh tế số và bài học thực tiễn - **Nguyễn Thị Kim Ngân, Đỗ Hải Yến, Lê Anh Nhật, Nguyễn Thị Hương Lan** 1026
- Đổi mới khởi nghiệp trong nền kinh tế số: Cơ hội và thách thức đối với doanh nhân trẻ tại Việt Nam - **Nguyễn Hương Sang, Võ Hoàng Ngọc Thuỷ** 1037
- Hệ sinh thái khởi nghiệp trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 - **Trần Thị Kim Nhung, Mai Hoàng An, Nguyễn Thị Thuỳ Trang, Nguyễn Quỳnh Anh, Nguyễn Khánh Việt, Phạm Thị Thanh Phương**..... 1047
- Giáo dục khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho sinh viên các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam trong nền kinh tế số: Thuận lợi, khó khăn và khuyến nghị các giải pháp - **Vũ Công Thương, Vũ Phương Anh** 1064
- Thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông qua hệ sinh thái công nghệ số: Nghiên cứu thực nghiệm tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ vùng Đông Nam Bộ - **Nguyễn Thị Thơm**..... 1074
- Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới năng lực khởi nghiệp của sinh viên dân tộc thiểu số tại Đắk Lắk - **Lương Thị Ngọc Thảo, Đặng Hồng Ngọc Anh** 1083
- Khởi nghiệp trong nền kinh tế số ở Việt Nam hiện nay - **Nguyễn Thị Thanh Hà**..... 1097

PHẦN V

NÔNG NGHIỆP VÀ LÂM NGHIỆP

- Significant differences in E-Commerce adoption among agri-enterprises: Input to a regional policy brief - **Dr. Kim Edward S. Santos, Isagani F. Pascua, MBA**..... 1110
- Giải pháp tăng cường hiệu quả đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo hình thức điện tử - **Phan Thị Thanh Huyền, Trương Quang Ngân, Lê Văn Thơ, Phạm Thị Hà** 1120

- Các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện chuyển đổi số tại các doanh nghiệp lâm nghiệp Việt Nam - **Nguyễn Thị Quỳnh Trang** 1129
- Nhận thức về công nghệ số hoá trong nông nghiệp - **Trần Thị Ngọc Lan** 1140

PHẦN VI

TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

- Các nhân tố tác động đến tỷ lệ nắm giữ tiền mặt - nghiên cứu thực nghiệm tại các ngành hàng tiêu dùng - **Nguyễn Mai Thu, Vũ Thị My, Đào Thu Trang, Vũ Thu Thảo, Đinh Nguyễn Ngọc Linh**... 1152
- Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng trí tuệ nhân tạo trong kế toán của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá - **Lê Thị Minh Huệ, Đặng Lan Anh, Lê Thị Hồng, Lê Thị Diệp**.. 1163
- Ứng dụng công nghệ không giấy tờ trong hoạt động của Ngân hàng TPbank nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững - **Vi Thị Dung** 1177
- Tác động của Fintech đến lợi nhuận của các ngân hàng thương mại Việt Nam - **Phạm Thành Công** ... 1188
- Hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam: Tiếp cận dưới góc nhìn của đòn bẩy tài chính - **Bùi Diệp Anh, Lê Vũ Thiên Cầm, Đào Trọng Hưng, Lê Trọng Hiệp, Võ Đăng Quang** 1197
- Ứng dụng công nghệ tài chính vào thị trường tín chỉ carbon - **Nguyễn Phan Hồng Ngọc**..... 1208
- Phát triển dịch vụ ngân hàng số - thực tiễn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - **Nguyễn Thị Ngọc Diễm**..... 1217
- Kinh nghiệm ứng dụng tài chính toàn diện nhằm hạn chế bất bình đẳng thu nhập tại các nước trên thế giới: Bài học cho Việt Nam - **Lê Thị Phương Linh, Nguyễn Phương Trang, Hồ Thị Hồng**... 1230
- Nguồn nhân lực số của các ngân hàng - thực trạng trên thế giới và một số đề xuất cho Việt Nam - **Nguyễn Thị Thu**..... 1239

PHẦN VII

VĂN HOÁ - DU LỊCH

- Giải pháp đẩy mạnh truyền thông các điểm di tích lịch sử văn hoá qua mạng xã hội - kinh nghiệm từ cách làm truyền thông của Di tích Nhà tù Hoả Lò - **Hồ Lưu Phúc, Nguyễn Phùng Thu Trinh, Nguyễn Thị Thu Đoan** 1250
- Liên kết phát triển du lịch văn hoá ở Việt Nam hiện nay - **Lưu Thị Thu Thủy, Bùi Thị Minh Phượng** 1259

- Thực trạng và giải pháp đẩy mạnh liên kết vùng trong phát triển du lịch cộng đồng vùng duyên hải Nam Trung Bộ - **Lê Đức Thọ** 1267
- Các loại hình du lịch văn hoá hiện nay và vấn đề truyền thông thương hiệu - **Ngô Thị Bích Lan**..... 1275
- Phát triển du lịch cộng đồng tại các làng nghề thổ cẩm dân tộc Ê Đê trong nền kinh tế số - **Nguyễn Thị Ngọc Châu** 1285
- Hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong phát triển du lịch cộng đồng liên địa phương ở Quảng Nam và Đà Nẵng - **Phạm Thị Huyền Trâm**..... 1296
- Thảo luận về mối liên hệ giữa phát triển du lịch bền vững và kinh tế khu vực - **Vũ Hoa Ngọc**1306
- Nguồn nhân lực để phát triển du lịch bền vững tại Việt Nam hiện nay - **Đỗ Thị Huyền Thanh**1316
- Liên kết phát triển du lịch ở các tỉnh vùng đồng bằng Sông Cửu Long - **Dương Minh Lâm, Trần Thị Bích Hạnh, Lê Quang Thái³, Bùi Thị Bảo Ngọc**..... 1328
- Tác động của công nghệ số đến quảng bá và quản lý điểm đến du lịch cộng đồng: Vai trò trung gian của nhận thức về thương hiệu điểm đến - **Nguyễn Thị Thơm, Trần Thu Hương, Đỗ Hiền Hoà** 1340
- Kinh nghiệm về liên kết phát triển du lịch cộng đồng giữa các địa phương và bài học cho vùng Bắc Trung Bộ - **Lương Thị Quỳnh Mai, Trần Thị Hồng Lam** 1354
- Ảnh hưởng của truyền miệng điện tử đến ý định quay lại điểm du lịch sinh thái tại đồng bằng Sông Cửu Long của gen Z tại Thành phố Hồ Chí Minh - **Lý Ngọc Yến Nhi, Nguyễn Chí Nhân, Lưu Ngọc Bảo, Nguyễn Đoàn Gia Khải, Nguyễn Ngọc Bảo Hân**..... 1363
- Thực trạng phát triển du lịch cộng đồng tại xã Thanh Tương, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang gắn với bảo vệ rừng đặc dụng - **Phạm Thị Huyền Trang** 1377
- Du lịch gắn với lễ hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên: Phân tích và đề xuất giải pháp phát triển bền vững - **Bùi Thị Thanh Hương, Đoàn Huyền Trang, Ứng Trọng Khánh**..... 1388
- Thương mại phát trực tuyến tại Việt Nam: Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm ngẫu hứng của người trẻ - **Ngô Thiện Mỹ, Lê Thị Mai, Lê Quỳnh Hoa**..... 1394
- Phát triển du lịch thông minh trên cơ sở chuyển đổi số tại khu vực đồng bằng Sông Hồng - **Nguyễn Ngọc Khánh Hà, Lâm Khánh Ly, Đỗ Thảo Linh, Đỗ Minh Anh, Đào Nguyên Hà Phương**....1405
- Ứng dụng tín chỉ carbon vào hoạt động du lịch rừng và mô hình kinh tế xanh - trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Đồng Nai, Việt Nam - **Nguyễn Ngọc Diệp** 1415
- Vai trò của chuyển đổi số trong phát triển du lịch tại Việt Nam (trường hợp thành phố Đà Nẵng) - **Trần Thị Thanh, Đoàn Thị Quý**..... 1426

- Mô hình hợp tác công - tư trong chuyển đổi số và phát triển du lịch cộng đồng liên vùng - **Nguyễn Thị Thuỳ Linh, Hồ Thị Hiền** 1438
- Phát triển du lịch cộng đồng ở Nghệ An thực trạng và giải pháp nhằm đẩy mạnh liên kết giữa các địa phương - **Trần Quốc Bảo**..... 1447
- Liên kết phát triển du lịch giữa Nghệ An với các địa phương trong cả nước - **Nguyễn Thị Kim Dung, Nguyễn Mạnh Hưng, Nguyễn Thị Hoa, Lê Thị Ngọc Hà**..... 1458
- Du lịch bền vững tại Việt Nam: Hành trình nghiên cứu qua hai thập kỷ - **Trịnh Thị Hà, Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Khắc Hoàng Lâm, Nguyễn Văn Anh** 1465

PHẦN VIII

CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU KHÁC

- Xây dựng chính sách thúc đẩy thị trường cac-bon ở Việt Nam - **Nguyễn Thị Thanh Lam, Lê Thị Ngọc Diệp** 1478
- Mức phát thải carbon và hoạt động đổi mới của các doanh nghiệp ở một số quốc gia trên thế giới - **Hồ Thị Hải Ly, Nguyễn Ngọc Anh** 1492
- Chính sách của Việt Nam và giải pháp phát triển thị trường tín chỉ carbon - **Nguyễn Ái Thạch**1503
- Công nghệ số và biến đổi khí hậu: Đánh giá tài liệu theo hệ thống từ dữ liệu scopus - **Nguyễn Minh Nhã** 1512
- Giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực năng lượng tái tạo tại Việt Nam - **Bùi Tiến Thịnh, Luyện Thuỳ Dung** 1524
- Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá - **Lê Quang Hiếu, Vũ Thị Phụng**..... 1535
- Bình đẳng giới trong quá trình chuyển đổi số: Thực trạng và một số khuyến nghị - **Nguyễn Thị Ánh Ngọc, Lê Tuấn Mạnh**..... 1546
- Một số giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới tại các doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế số - **Lê Việt Hà** 1556
- Một số giải pháp thúc đẩy phát triển nền kinh tế số góp phần vào sự phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay - **Trần Thị Diên, Phan Thị Thanh Bình, Hoàng Thị Thu Hoài**..... 1567
- Đánh giá thực trạng chuyển đổi số ngành nông nghiệp tại thành phố Hà Nội - **Nguyễn Thị Thanh Hoài, Nguyễn Thị Yến Nhi, Trần Lê Anh Thư, Trương Mai Anh, Phạm Khánh Linh** 1576

- Thực trạng và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vùng Bắc Trung Bộ - **Trần Thị Hồng Lam, Lương Thị Quỳnh Mai** 1586
- Tăng cường hiệu ứng lan toả của đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Nghệ An - **Hoàng Thị Thuý Hằng, Đinh Văn Tới** 1595
- Quản lý thu tài chính tại Bảo hiểm xã hội thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá - **Bùi Văn Dũng, Nguyễn Ngọc Trung, Đỗ Thế Hưng** 1605
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta hiện nay - **Chu Trường Chinh** 1613
- Thực trạng việc áp dụng mô hình chuyển đổi kinh doanh bền vững trong bối cảnh kinh tế số ở Việt Nam - **Nguyễn Thị Minh Hiếu** 1626
- Ứng dụng Microsoft Power bi để thúc đẩy chuyển đổi số trong quy trình lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Nghiên cứu tại công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên xổ số kiến thiết Thừa Thiên Huế - **Nguyễn Minh Đức, Lê Thị Hạnh Phúc** 1634

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA: NGUỒN LỰC TRONG NỀN KINH TẾ SỐ

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

37B - Lê Hồng Phong - TP. Vinh

Điện thoại: Giám đốc - Tổng Biên tập: 0983524134

Văn phòng: 0238.3840560

Email: nxbnghean@gmail.com

KỶ YẾU

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

NGUỒN LỰC TRONG NỀN KINH TẾ SỐ

PROCEEDINGS OF NATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE
ON RESOURCES IN THE DIGITAL ECONOMY

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung

Giám đốc - Tổng Biên tập: ThS. BÙI THỊ NGỌC

Biên tập:

ThS. Phạm Thị Hằng, ThS. Trần Thị Thanh Yến

Bìa:

Phương Thảo

Trình bày:

Mai Hồng

Sửa bản in:

Phạm Hằng, Thanh Yến

Đối tác liên kết:

Trường Đại học Nghệ An

ISBN 978-604-376-870-1

In 100 cuốn, khổ 19x27m. In tại Công ty TNHH in Hoà Nhơn, số 6/6, Lê Khôi, Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An. Đăng ký xuất bản số 1174-2025/CXBIPH/6-11/NA. Quyết định xuất bản số: 19/QĐ-NXBNA, cấp ngày 12/4/2025.

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2025

1645



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
HÀ NỘI UNIVERSITY



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
UNIVERSITY OF ECONOMICS - DA NANG UNIVERSITY



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC TP. HỒ CHÍ MINH
INSTITUTE OF BUSINESS RESEARCH
UNIVERSITY OF ECONOMICS HO CHI MINH CITY



TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC
HÀ NỘI UNIVERSITY



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
DA LAT UNIVERSITY



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ
TP. HỒ CHÍ MINH

KỶ YẾU

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA NGUỒN LỰC TRONG NỀN KINH TẾ SỐ

PROCEEDINGS OF NATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE
ON RESOURCES IN THE DIGITAL ECONOMY



NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN / NGHỆ AN PUBLISHING HOUSE

ISBN: 978-604-376-870-1



SÁCH KHÔNG BÁN